

Số: **12750**/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày **22** tháng 11 năm 2024

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Luật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính⁽¹⁾ (trong đó có sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công). Hiện, dự thảo Luật đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và Chính phủ đã có Tờ trình số 678/TTr-CP ngày 18/10/2024 trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến và thông qua Dự án Luật vào Kỳ họp thứ 8 (tháng 10-11/2024).

Căn cứ các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật, Bộ Tài chính đã xây dựng Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đính kèm).

Để bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định và kịp thời trình Chính phủ ban hành Nghị định khi Quốc hội thông qua dự thảo Luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia bằng văn bản về các dự thảo nêu trên và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 01/12/2024** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thủ tướng Chính phủ | (để b/cáo);
 - Các Phó TTgCP
 - Sở Tài chính 63 tỉnh, TP;
 - Công TTĐT Chính phủ | (để đăng tải lấy ý kiến rộng rãi);
 - Cục TH&TKTC
 - Lưu: VT, QLCS. **(140)**
- (Quét mã QR để khai thác Tài liệu)



KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

⁽¹⁾ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia.

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH**Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8, căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia số /2024/QH15 ngày tháng năm 2024, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 về: thẩm quyền quyết định giao, mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công; hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ; thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Vì vậy, để triển khai các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu quả, kịp thời và đồng bộ, việc sửa đổi, bổ sung các nội dung được quy định chi tiết tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để phù hợp với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung là cần thiết.

B. VỀ QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã chủ động xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị

định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công gửi kèm theo hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia trình Quốc hội. Song song với việc hoàn thiện Luật, Bộ Tài chính đã có Công văn số /BTC-QLCS gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và Trang Thông tin về tài sản nhà nước để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Ngày tháng năm 2024, dự thảo Nghị định đã được Hội đồng tư vấn thẩm định do Bộ Tư pháp chủ trì họp thẩm định, cho ý kiến và Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số /BC-BTP ngày //2024. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị định.

C. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung tại các Nghị định hiện hành để phù hợp với các nội dung của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công, cải cách, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

D. KẾT CẤU CỦA NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định kết cấu gồm 03 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 2. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 3. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Đ. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền (Điều 19)

Tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia (sau đây gọi là Luật sửa đổi) đã bổ sung 02 hình thức xử lý tài sản công sau khi có quyết định thu hồi gồm: (i) Giao Tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai; (ii) Giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác theo quy định của Chính phủ.

Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện đối với 02 hình thức nêu trên để làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện.

2. Sửa đổi quy định về bán tài sản công (Điều 23, Điều 24)

Tại Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về bán tài sản công theo hướng bỏ các nội dung quy định về xác định giá khởi điểm, nộp tiền bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

3. Sửa đổi quy định về thanh lý tài sản công (Điều 29, Điều 30)

Tại Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi các quy định có liên quan để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi theo hướng dẫn chi tiết thực hiện theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); theo đó: (i) Vật tư, vật liệu thu hồi được không sử dụng được thì hủy bỏ; (ii) Vật tư, vật liệu thu hồi được thì cơ quan nhà nước được giữ lại tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu; điều chuyển; bán. Đồng thời, hướng dẫn cách xác định giá trị, theo dõi trong trường hợp giữ lại, điều chuyển, bán.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý (Điều 35a) để bảo đảm đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở đối với các trường hợp nhà ở thuộc tài sản công được chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý và thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (Điều 44) để phù hợp với nội dung sửa đổi về thẩm quyền phê duyệt Đề án tại Luật sửa đổi.

6. Bổ sung cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” vào trước cụm từ “tổ chức chính trị - xã hội” tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 20, Điều 56, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 119 để thống nhất thực hiện chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi.

7. Đồng thời, Bộ Tài chính đã rà soát các quy định hiện hành để hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

+ Sửa đổi quy định về cơ quan làm chủ tài khoản tạm giữ để quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương theo hướng bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương làm chủ tài khoản tạm giữ (thay vì bắt

buộc phải là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công như hiện nay) do trong thực tế có một số cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương không đủ điều kiện để mở tài khoản tạm giữ theo quy định của pháp luật về tài khoản tạm giữ.

+ Bổ sung quy định về việc phá dỡ các công trình xây dựng tạm thời sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết để triển khai thực hiện thống nhất.

8. Ngoài ra, qua rà soát nội dung của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, quản lý, sử dụng và khai thác từng loại tài sản kết cấu hạ tầng, quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc trên khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thì tại các văn bản này đang có một số nội dung quy định về thẩm quyền quản lý, sử dụng, xử lý tài sản theo cơ chế “phân cấp”. Tại Luật sửa đổi đã chuyển từ cơ chế “phân cấp” sang cơ chế “phân quyền” cho Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định trong giao, mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý; Chính phủ chỉ quy định một số nội dung giữa các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoặc một số nội dung có thể thực hiện thống nhất. Trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung toàn diện các Nghị định nêu trên, để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật sửa đổi sau khi Luật có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ thay thế một số cụm từ liên quan đến phân cấp tại các Nghị định này để phù hợp với cơ chế “phân quyền” tại Luật sửa đổi.

E. BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

Nghị định này chủ yếu quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy, kinh phí thực hiện Nghị định chủ yếu là kinh phí để thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công thực tế hiện nay các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang thực hiện và nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị định được sử dụng trong phạm vi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, nguồn kinh phí hợp pháp khác được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị và nguồn kinh phí thu được từ việc xử lý tài sản; không làm phát sinh tăng chi từ ngân sách nhà nước.

G. VỀ Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có Công văn số /BTC-QLCS ngày /2024 gửi lấy ý kiến chính thức bằng văn bản của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước; đồng thời, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản nhà nước để lấy ý kiến rộng rãi. Đến nay, Bộ

Tài chính đã nhận được ý kiến bằng văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Về cơ bản các ý kiến tham gia đều thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định và nội dung của dự thảo Nghị định. Các ý kiến tham gia bổ sung đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ và hoàn thiện dự thảo Nghị định (Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương - đính kèm).

* *

*

Các hồ sơ kèm theo Tờ trình này gồm:

- (1) Dự thảo Nghị định sau khi hoàn thiện, chỉnh lý.
- (2) Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính.
- (3) Bản thuyết minh chi tiết dự thảo Nghị định.
- (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương.
- (5) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp (bản sao).

Kính trình Chính phủ xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, QLCS.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia số /2024/QH15 ngày tháng năm 2024, căn cứ Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày /2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm hướng dẫn những nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia (sau đây gọi là Luật sửa đổi).

I. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định kết cấu gồm 03 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 2. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền (Điều 19)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ mới có quy

định về các hình thức xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền là: giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy.

Tại Luật sửa đổi đã bổ sung 02 hình thức xử lý tài sản công sau khi có quyết định thu hồi gồm: (i) Giao Tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai; (ii) Giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác theo quy định của Chính phủ. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện đối với 02 hình thức nêu trên theo hướng:

+ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công (bao gồm cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo hình thức giao Tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

Đồng thời, bỏ các nội dung hướng dẫn về khai thác tài sản theo 02 hình thức nêu trên vì đã được chuyển thành hình thức xử lý (không còn là khai thác).

2. Sửa đổi quy định về bán tài sản công (Điều 23, Điều 24)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có quy định về việc bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành quy định chi tiết để hướng dẫn thực hiện nội dung này (xác định giá bán, việc thanh toán tiền mua trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về bán tài sản công theo hướng bỏ các nội dung quy định về xác định giá khởi điểm, nộp tiền bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Điều 23, Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP để quy định cho việc bán các tài sản công khác (không phải là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất) như quy định hiện hành.

3. Sửa đổi quy định về thanh lý tài sản công (Điều 29, Điều 30)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định trường hợp thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ thì vật tư, vật liệu thu hồi được từ việc phá dỡ, hủy bỏ được xử lý theo hình thức bán. Theo đó, tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP chỉ có nội dung hướng dẫn cho trường hợp bán vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ tài sản.

Tại Luật sửa đổi đã bổ sung các hình thức xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, huỷ bỏ nếu còn sử dụng được gồm: (i) điều chuyển; (ii) bán; (iii) cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý được giữ lại sử dụng nếu có nhu cầu. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi các quy định có liên quan để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi theo hướng dẫn chiếu thực hiện theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); theo đó: (i) Vật tư, vật liệu thu hồi được không sử dụng được thì huỷ bỏ; (ii) Vật tư, vật liệu thu hồi được thì cơ quan nhà nước được giữ lại tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu; điều chuyển; bán. Đồng thời, hướng dẫn cách xác định giá trị, theo dõi trong trường hợp giữ lại, điều chuyển, bán.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý (Điều 35a) để bảo đảm đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở đối với các trường hợp nhà ở thuộc tài sản công được chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý và thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể đề tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

- Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan;

- Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về nhà ở, nếu Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện xử lý như sau:

+ Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bán cho người đang sử dụng nhà, đất; việc xác định giá bán được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi bán cho người đang sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

+ Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) thực hiện theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Đối với tài sản gắn liền

với đất, căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất. Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này xác định giá bán tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này; giá bán tài sản trên đất phải được ghi vào phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này thực hiện việc phá dỡ, huỷ bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (Điều 44)

Tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê là Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản có giá trị lớn); thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết là Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Theo đó, quy trình, thủ tục phê duyệt Đề án được quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP bao gồm nhiều bước để bảo đảm việc báo cáo lên Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tại Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về thẩm quyền phê duyệt Đề án thành Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Vì vậy, tại dự thảo Luật đã sửa đổi quy định về quy trình, thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án để phù hợp với nội dung sửa đổi về thẩm quyền phê duyệt Đề án tại Luật sửa đổi, đồng thời đơn giản hoá thủ tục hành chính theo ý kiến của Đại biểu Quốc hội khi góp ý về dự án Luật; cụ thể:

(1) Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập một (01) Đề án sử dụng tài sản công vào nhiều mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công

vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là không cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập Đề án sử dụng tài sản công vào từng mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

(2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện hoặc không phê duyệt đề án.

6. Bổ sung cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” vào trước cụm từ “tổ chức chính trị - xã hội” tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 20, Điều 56, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 119 để thống nhất thực hiện chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi.

7. Sửa đổi một số quy định hiện hành để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

+ Sửa đổi quy định về cơ quan làm chủ tài khoản tạm giữ để quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương theo hướng bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương làm chủ tài khoản tạm giữ (thay vì bắt buộc phải là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công như hiện nay) do trong thực tế có một số cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương không đủ điều kiện để mở tài khoản tạm giữ theo quy định của pháp luật về tài khoản tạm giữ.

+ Bổ sung quy định về việc phá dỡ các công trình xây dựng tạm thời sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết để triển khai thực hiện thống nhất.

8. Ngoài ra, qua rà soát nội dung của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, quản lý, sử dụng và khai thác từng loại tài sản kết cấu hạ tầng, quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thì tại các văn bản này đang có một số nội dung quy định về thẩm quyền quản lý, sử dụng, xử lý tài sản theo cơ chế “phân cấp”. Tại Luật sửa đổi đã chuyển từ cơ chế “phân cấp” sang cơ chế “phân quyền” cho Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định trong giao, mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý; Chính phủ chỉ quy định một số nội dung giữa các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoặc một số nội dung có thể thực hiện thống nhất. Trong thời gian

chưa sửa đổi, bổ sung toàn diện các Nghị định nêu trên, để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật sửa đổi sau khi Luật có hiệu lực thi hành, tại dự thảo Nghị định đã thay thế một số cụm từ liên quan đến phân cấp tại các Nghị định này để phù hợp với cơ chế “phân quyền” tại Luật sửa đổi./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo
21.11.24

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày tháng năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 19. Xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền

1. Việc xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Riêng văn bản đề nghị xử lý tài sản trong hồ sơ đề nghị xử lý được thay bằng phương án xử lý tài sản thu hồi của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này; trong đó lý do đề nghị xử lý là xử lý tài sản thu hồi.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công (bao gồm cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại điểm e khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

2. Phạm vi và hình thức khai thác tài sản công có quyết định thu hồi:

a) Bộ trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi (bao gồm hoặc không bao gồm các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đó) cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

b) Trong thời gian được bố trí sử dụng tạm thời, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm sử dụng tài sản đúng mục đích được bố trí; thực hiện chi trả chi phí điện, nước, nhân công phục vụ, bảo vệ, chi phí cải tạo, sửa chữa (nếu có) và các chi phí khác có liên quan (không bao gồm chi phí khấu hao, hao mòn tài sản, tiền thuê đất) và được hạch toán vào chi phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tính vào chi phí đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo dự án, nhiệm vụ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Việc cải tạo, sửa chữa (nếu có) nhà, công trình trong thời gian sử dụng tạm thời do cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này quyết định thu hồi, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

4. Hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi gồm:

a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 3 Điều này về việc đề nghị phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi.

b) Quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Hồ sơ khác liên quan đến tài sản và phương án khai thác đề xuất: 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt phương án khai thác, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo phương án khai thác được phê duyệt. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản để khai thác theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.

Sau khi hết thời hạn khai thác theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bàn giao lại tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công để tiếp tục lập phương án xử lý, khai thác tài sản theo quy định tại Điều này; cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bảo đảm tài sản bàn giao lại đang sử dụng, vận hành bình thường.

6. Trường hợp cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công là cơ quan trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi thì có thể trình phương án xử lý, khai thác tài sản đồng thời với đề nghị thu hồi tài sản để cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đồng thời trong một Quyết định.

7. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này sau khi tiếp nhận tài sản thu hồi có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng, tính hao mòn đối với tài sản cố định theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản. Chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài sản thu hồi chưa khai thác, xử lý (chi phí bảo vệ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản) do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này chi trả và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 23. Trình tự, thủ tục bán tài sản công

1. Cơ quan nhà nước có tài sản công thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị bán tài sản công gồm:

a) Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức tổ chức bán tài sản, việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản): 01 bản chính;

b) Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán): 01 bản chính;

d) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị bán tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định bán tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định bán tài sản công gồm:

a) Cơ quan nhà nước có tài sản bán.

b) Danh mục tài sản bán (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bán).

c) Phương thức bán tài sản (trường hợp đã xác định được phương thức bán thì ghi trực tiếp vào Quyết định, trường hợp chưa xác định được phương thức bán thì giao người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định phương thức cụ thể căn cứ vào quy định tại các Điều 24, 26 và 27 Nghị định này).

d) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công.

đ) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản.

e) Thời hạn hiệu lực của Quyết định (tối đa là 12 tháng, kể từ ngày ban hành Quyết định).

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công quyết định giao cơ quan nhà nước có tài sản công hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chịu trách nhiệm tổ chức bán tài sản công.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao trách nhiệm tổ chức bán tài sản công cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy

định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tổ chức bán đối với tài sản công do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định bán.

b) Sở Tài chính tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán.

4. Căn cứ Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bán tài sản theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định này. Trường hợp hết thời hạn hiệu lực của Quyết định mà chưa hoàn thành việc bán thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán để gia hạn Quyết định để tiếp tục thực hiện bán (thời gian gia hạn không quá 12 tháng, kể từ ngày có Quyết định gia hạn) hoặc thực hiện thủ tục thay đổi hình thức xử lý tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản bán hạch toán giảm tài sản; báo cáo kê khai biến động tài sản công theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định này.

6. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 31 Nghị định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 24 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá

2. Xác định giá khởi điểm:

a) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này quyết định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tại thời điểm xác định giá.

b) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thành lập Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá để làm căn cứ quyết định giá khởi điểm. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

c) Giá tài sản được xác định tại khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

6. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Thông tin về việc đấu giá tài sản công được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Giá bán tài sản công theo hình thức đấu giá là giá trúng đấu giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá tài sản do tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá tài sản chuyển, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người trúng đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này.

7. Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

d) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà người trúng đấu giá chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện hủy bỏ Hợp đồng đã ký kết và người trúng đấu giá không được nhận lại số tiền tương ứng với khoản tiền đặt cọc.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định về việc hủy bỏ Hợp đồng phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp đã ký Hợp đồng mua bán tài sản hoặc thanh toán tiền mua tài sản nhưng sau đó người mua tài sản không mua nữa thì được xử lý theo Hợp đồng ký kết và pháp luật về dân sự.

8. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 7 Điều 29 như sau:

“Điều 29. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 28 Nghị định này quyết định

thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản công gồm:

- a) Cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý.
- b) Danh mục tài sản thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý).
- c) Hình thức thanh lý tài sản (bán; phá dỡ, hủy bỏ và bán vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ (nếu có)).
- d) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản (nếu có).
- đ) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Trường hợp nhà, công trình được xây dựng để sử dụng tạm thời trong khoảng thời gian nhất định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm phá dỡ, hủy bỏ sau khi hết thời gian sử dụng tạm thời, không phải thực hiện thủ tục báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công theo quy định tại Điều này; việc xử lý xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ được thực hiện theo quy định tại Điều 10a Nghị định này. ”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản khoản 3, khoản 4 Điều 30 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 5 Điều 30 như sau:

“Điều 30. Tổ chức thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ

3. Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản thì việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Trường hợp kết hợp việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản với việc bán vật tư, vật liệu thu hồi thì áp dụng hình thức đấu thầu trong trường hợp dự kiến chi phí phá dỡ, hủy bỏ lớn hơn giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi; áp dụng hình thức đấu giá trong trường hợp dự kiến chi phí phá dỡ, hủy bỏ nhỏ hơn giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi. Giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi được xác định theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thông qua đấu thầu, đấu giá thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản kết hợp với việc bán vật tư, vật liệu thu hồi được thực hiện thanh toán bù trừ chi phí phá dỡ và giá trị vật tư, vật liệu thu hồi sau phá dỡ trên cơ sở kết quả đấu thầu, đấu giá.

4. Trường hợp cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý tự thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản, người đứng đầu cơ quan nhà nước có tài sản quyết định thành lập Hội đồng thanh lý để thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản. Hội đồng thanh lý do

lãnh đạo cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện bộ phận kế toán, đại diện bộ phận sử dụng tài sản, đại diện công đoàn và các thành viên khác (nếu cần). Việc phá dỡ, hủy bỏ được lập thành Biên bản.

5. *Vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này được xử lý theo quy định tại Điều 10a Nghị định này.*”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 35a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 35a. Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý

3. Trình tự, thủ tục quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện như sau:

g) Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể đề tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

g1) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

g2) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

g3) Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan;

g4) Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về nhà ở, nếu Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện xử lý như sau:

Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bán cho người đang sử dụng nhà, đất; việc xác định giá bán được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi bán cho người đang sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) thực hiện theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

g5) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Đối với tài sản gắn liền với đất, căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất. Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này xác định giá bán tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này; giá bán tài sản trên đất phải được ghi vào phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

g6) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

g7) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g1, điểm g2 khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g3 khoản này. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại các điểm g4, g5, g6 khoản này.”.

7. Sửa đổi Điều 44 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 44. Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ trình cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt Đề án gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án của đơn vị sự nghiệp công lập: 01 bản chính;

b) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) về Đề án: 01 bản chính;

c) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản chính;

d) Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị: 01 bản sao;

đ) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập một (01) Đề án sử dụng tài sản công vào nhiều mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là không cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập Đề án sử dụng tài sản công vào từng mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện hoặc không phê duyệt đề án.

Trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện thì đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện Đề án và thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án gồm:

a) Tên đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

b) Danh mục tài sản được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

c) Thời hạn thực hiện đề án (thời gian Đề án có hiệu lực).

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Sau khi Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà đơn vị phát sinh các tài sản khác sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì việc lập, có ý kiến, trình, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản đó vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại Điều này.

5. Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập cùng có nhu cầu sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với nhau nhằm cung cấp dịch vụ công thì các đơn vị sự nghiệp công lập cùng lập một Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Trên cơ sở đó, các bên tham gia liên doanh, liên kết báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền và trình tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm cơ sở thực hiện, không phải tổ chức lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định này.”

Điều 2. Thay thế, bổ sung một số cụm từ của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

a) Bổ sung cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” vào trước cụm từ “tổ chức chính trị - xã hội” tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 20, Điều 56, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 119;

b) Thay thế cụm từ “theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công” thành “theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất” tại điểm b khoản 5 Điều 1 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP);

c) Thay thế cụm từ “Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” thành “Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ” tại điểm a khoản 1 Điều 36 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

Điều 3. Áp dụng thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại các Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Từ ngày 01/01/2025, thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản công quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 19/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được thực hiện như sau:

1. Trường hợp các Nghị định nêu trên đã quy định cụ thể cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản thì thực hiện theo quy định đó;

2. Trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách Nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 (sau

đây gọi là Luật sửa đổi, bổ sung)) và điểm a khoản 3 Điều 10 Luật sửa đổi, bổ sung¹.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều và thay thế một số cụm từ, biểu mẫu tại các Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung)² ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo tại đơn vị.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15/01/2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

¹ Tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định:

“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định giao, mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp thẩm quyền đã được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 26 như sau:

“6. Đối với tài sản công không được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; riêng tài sản công là vật tiêu hao không phải ban hành tiêu chuẩn, định mức.”

² Tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định: “Thay thế cụm từ “quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định”, “phân cấp thẩm quyền quyết định” thành “quy định thẩm quyền quyết định” tại khoản 4, khoản 5 Điều 26”.

“1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với công trình điện trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là quận, huyện) thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ hai quận, huyện trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình;

c) Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm kê, xác định giá trị, Bên nhận có trách nhiệm lập hồ sơ để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo thẩm quyền hoặc báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam xem xét, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam (trong trường hợp công trình điện nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên).

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam gồm:

a) Văn bản của Bên nhận đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 01 bản chính;

b) Danh mục công trình điện do Bên nhận lập (thông số kỹ thuật, tình trạng công trình điện, năm đưa vào sử dụng, giá trị công trình điện): 01 bản chính;

c) Biên bản kiểm kê, xác định giá trị công trình điện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

d) Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sở hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP như sau:

“b) Sở Tài chính (nơi cơ quan được giao quản lý tài sản đóng trụ sở) đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này bao gồm cả tài sản do trung ương và địa phương quản lý.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trường hợp giá máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có biến động tăng, việc điều chỉnh mức giá được quy định như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Quyết định này xem xét, quyết định đối với trường hợp giá mua máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cao hơn không quá 10% so với mức giá quy định tại Quyết định này;

b) Trường hợp cần thiết trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có giá cao hơn từ trên 10% đến không quá 20% so với mức giá quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau:

“b) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

“b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.”

5. Thay thế cụm từ “theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “theo quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” tại điểm đ khoản 5 Điều 13, điểm đ khoản 3 Điều 14, điểm đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; cụm từ “quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định” thành “quyết định” tại điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP; cụm từ “ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành” thành “quy định thẩm quyền ban hành” tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg;

6. Thay thế Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15/01/2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam (tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

7. Bãi bỏ các điều, khoản sau đây:

- a) Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP;
- b) Khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP;
- c) Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP;
- d) Khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP;
- đ) Khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP;
- e) Khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP;
- g) Điểm c khoản 2 Điều 21; điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển giao công trình điện sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam

.....⁽¹⁾

Căn cứ Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ kết quả kiểm tra thực trạng công trình điện và đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện chuyển giao theo Biên bản ngày .../.../...;

Căn cứ kết quả kiểm kê, xác định giá trị công trình điện Biên bản ngày .../.../...;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam đối với các công trình điện sau đây:

TT	Tên công trình/ hạng mục công trình điện	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng/vận hành	Giá trị công trình điện chuyển giao	Ghi chú

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký⁽²⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này......⁽¹⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu:

⁽¹⁾ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chuyển giao.⁽²⁾ Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.